

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009
đã được soát xét**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 05
Báo cáo soát xét	06
Báo cáo tài chính đã được soát xét	07 - 30
Bảng cân đối kế toán	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ họa, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý và dịch vụ truy cập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại./.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 49.339.050.000 VND (Bốn mươi chín tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng). Tương đương 4.933.905 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	Số 105A, Đường Âu Cơ, Phường 14, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	Số 47/4, Đường Âu Cơ, Phường 9, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	Số 9-11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	Số 169/8, Đường Cách mạng tháng 8, Phường 7, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Trung tâm Văn hóa và Thương mại - Alta Plaza	Số 91B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Số 91B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Lô số 14-16, Đường số 03, KCN Tân Đức, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Lô II-3, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An	Số 11, Trường Chinh, Phường 11, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Ông Nguyễn Quang Khương	Giám đốc Kinh doanh
Bà Lê Thị Thiệt	Giám đốc Dự án
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Nhân sự

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 07 năm 2009

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Điều

Số: 597/2009/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009
của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình được lập ngày 16 tháng 07 năm 2009, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009 được trình bày từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2009

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biễn

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		105,535,274,551	101,174,157,858
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		15,700,264,296	14,180,258,696
111	1 Tiền	3	15,700,264,296	14,180,258,696
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	16,108,160,000	11,208,160,000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		16,108,160,000	11,208,160,000
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		30,371,665,358	31,256,578,873
131	1 Phải thu của khách hàng		26,921,017,869	27,634,108,421
132	2 Trả trước cho người bán		64,390,000	1,954,573,446
135	5 Các khoản phải thu khác	5	4,386,629,285	2,728,195,849
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1,000,371,796)	(1,060,298,843)
140	IV Hàng tồn kho		40,142,976,685	39,699,203,511
141	1 Hàng tồn kho	6	40,142,976,685	39,699,203,511
150	V Tài sản ngắn hạn khác		3,212,208,212	4,829,956,778
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		841,586,439	1,603,793,524
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		1,888,073,816	3,051,547,412
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	974,830
158	4 Tài sản ngắn hạn khác		482,547,957	173,641,012
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		145,121,006,578	147,903,730,128
220	II Tài sản cố định		88,068,210,625	133,860,758,029
221	1 Tài sản cố định hữu hình	7	81,781,954,382	89,988,008,664
222	- Nguyên giá		129,223,396,109	137,900,103,239
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(47,441,441,727)	(47,912,094,575)
227	3 Tài sản cố định vô hình	8	4,789,183,721	4,959,692,103
228	- Nguyên giá		6,463,444,293	6,442,944,293
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,674,260,572)	(1,483,252,190)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1,497,072,522	38,913,057,262
240	III Bất động sản đầu tư	10	37,870,677,349	-
241	- Nguyên giá		39,310,873,060	-
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,440,195,711)	-
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	16,482,329,200	11,540,739,200
251	1 Đầu tư vào công ty con		11,660,000,000	6,700,000,000
252	2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		4,700,000,000	4,700,000,000
258	3 Đầu tư dài hạn khác		122,329,200	140,739,200
260	V Tài sản dài hạn khác		2,699,789,404	2,502,232,899
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	12	2,699,789,404	2,502,232,899
270	C TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250,656,281,129	249,077,887,986

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2009
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		53,591,467,041	52,690,487,076
310	I Nợ ngắn hạn		53,586,149,641	52,690,487,076
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	13	27,662,045,667	22,093,936,557
312	2 Phải trả người bán		11,853,062,254	16,302,803,601
313	3 Người mua trả tiền trước		2,960,128,498	3,358,718,567
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	557,471,088	525,388,795
315	5 Phải trả người lao động		606,436,543	1,544,318,897
316	6 Chi phí phải trả	15	436,107,379	994,337,410
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	9,510,898,212	7,870,983,249
330	II Nợ dài hạn		5,317,400	-
336	6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		5,317,400	-
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		197,064,814,088	196,387,400,910
410	I Vốn chủ sở hữu	17	196,500,454,255	195,801,597,416
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		49,339,050,000	49,339,050,000
412	2 Thặng dư vốn cổ phần		145,825,164,443	145,814,255,352
413	3 Vốn khác của chủ sở hữu		1,492,141,699	1,492,141,699
414	4 Cổ phiếu quỹ (*)		(7,938,039,597)	(7,938,039,597)
417	7 Quỹ đầu tư phát triển		489,130,439	489,130,439
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		2,723,989,617	2,272,132,596
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4,569,017,654	4,332,926,927
430	II Nguồn kinh phí và quỹ khác		564,359,833	585,803,494
431	1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		564,359,833	585,803,494
440	C TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		250,656,281,129	249,077,887,986

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2009	01/01/2009
1 Nợ khó đòi đã xử lý		333,162,879	273,235,832
2 Ngoại tệ các loại			
- USD		16,606.59	64,205.38
- EURO		533.88	538.68

Người lập



Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điệp

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Điều

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Điều chỉnh	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	-	69,775,718,733	96,447,183,085
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	181,372,302	42,517,855
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	69,594,346,431	96,404,665,230
11	4 Giá vốn hàng bán	19	-	64,037,883,796	88,642,369,447
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	5,556,462,635	7,762,295,783
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	20	-	2,331,540,503	2,043,313,165
22	7 Chi phí tài chính	21	-	2,321,602,707	1,411,849,678
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	855,102,038	462,519,950
24	8 Chi phí bán hàng		-	551,251,099	298,305,597
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		-	1,711,688,871	1,837,992,999
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		-	3,303,460,461	6,257,460,674
31	11 Thu nhập khác		-	4,877,237,210	3,708,144,292
32	12 Chi phí khác		-	4,520,690,065	2,979,915,453
40	13 Lợi nhuận khác		-	356,547,145	728,228,839
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	3,660,007,606	6,985,689,513
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	471,243,719	815,533,419
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	3,188,763,887	6,170,156,094

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân



Nguyễn Thị Hồng Diệp




Hoàng Văn Điều

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		3,660,007,606	6,985,689,513
02	Khấu hao tài sản cố định		7,246,276,635	6,292,931,120
03	Các khoản dự phòng		(59,927,047)	3,284,060
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		204,571,701	(1,359,692,326)
06	Chi phí lãi vay		855,102,038	462,519,950
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11,906,030,933	12,384,732,317
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		2,207,495,118	6,034,578,917
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(443,773,174)	1,992,768,745
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1,476,841,947)	(16,139,181,401)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		564,650,580	(2,192,798,218)
13	Tiền lãi vay đã trả		(891,868,371)	(462,519,950)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(467,390,288)	(341,563,546)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1,154,562,787	3,125,197,353
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,043,995,137)	(521,757,909)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11,508,870,501	3,879,456,308
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9,460,510,985)	(24,604,309,437)
22	2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2,905,270,000	1,669,044,292
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(7,500,000,000)	-
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2,600,000,000	-
25	5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4,960,000,000)	-
26	6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18,410,000	-
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		839,856,974	1,318,248,529
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15,556,974,011)	(21,617,016,616)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
32	2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(6,837,939,269)
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		32,665,899,845	29,745,557,387
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(27,097,790,735)	(24,017,082,955)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(989,775,292)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5,568,109,110	(2,099,240,129)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1,520,005,600	(19,836,800,437)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14,180,258,696	36,216,953,623
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	15,700,264,296	16,380,153,186

Người lập



Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diệp

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc




Hoàng Văn Điều

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hoá dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển thể thành Công ty Cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Trụ sở của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Nhà máy Sản xuất Xuất khẩu Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xốp
- Xí nghiệp In tổng hợp Alta	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Xí nghiệp Sản xuất và In Bao bì Xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Quảng Cáo và Chế bản Điện tử	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất phim
- Trung tâm Phát triển Sản phẩm	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh đồ chơi
- Trung tâm Sản xuất và Phát triển Băng đĩa nhạc Trùng Dương	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh băng đĩa nhạc
- Trung tâm Văn hóa và Thương mại - Alta Plaza	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh và cho thuê mặt bằng

Ngoài ra, Công ty còn có khối các Cửa hàng Dịch vụ Văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	TP Hồ Chí Minh	Công nghệ, truyền thông
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	Sản xuất, dịch vụ
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, dịch vụ

Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP Hồ Chí Minh	In ấn, quảng cáo
- Công ty Cổ phần Y Khoa Song An	TP Hồ Chí Minh	Y tế, bệnh viện

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064111 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998 và các giấy phép điều chỉnh, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật, mỹ phẩm;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm - săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; dịch vụ giữ xe (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý và dịch vụ truy cập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn - không cồn
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại./.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà đơn vị nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	48 năm

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, bằng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí lãi vay trong kỳ là: 0%.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập; chi phí trước hoạt động
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư thông qua đại hội đồng cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong năm 2009, Công ty đang được giảm 50% thuế với mức thuế suất áp dụng là 25%/năm. Riêng đối với dự án Rạp chiếu phim ALTA CINEMA 4D - FX miễn thuế TNDN theo công văn số 5680/SKHĐT-DN ngày 03 tháng 09 năm 2008 của sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh. Dự án nâng cao năng suất xưởng Bao bì nhựa được miễn thuế TNDN theo hướng dẫn tại Thông tư số 130/2008/TT - BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

3 . TIỀN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt	8,653,735,539	1,770,635,656
Tiền gửi ngân hàng	7,046,528,757	12,409,623,040
Cộng	15,700,264,296	14,180,258,696

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	16,108,160,000	11,208,160,000
Cộng	16,108,160,000	11,208,160,000

(*) Đầu tư ngắn hạn khác là các khoản cho tổ chức và cá nhân vay tiền, trong đó:

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyễn Xuân Sơn	600,000,000	700,000,000
Phạm Ngọc Thư	1,750,000,000	1,750,000,000
Công ty TNHH Bảo Thư	2,500,000,000	-
Phạm Đức Minh	3,280,000,000	3,280,000,000
Lê Thị Hồng Châu	4,120,000,000	4,120,000,000
Công ty TNHH SX-TM- DV Bách Hợp	2,500,000,000	-
Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Kinh Thương	1,358,160,000	1,358,160,000
Cộng	16,108,160,000	11,208,160,000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Phải thu về lãi vay của các đối tượng	424,542,500	496,012,565
Phải thu về thuế GTGT được hoàn	2,578,735,988	1,957,604,127
Phải thu khác	1,383,350,797	274,579,157
<i>Công ty Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương</i>	<i>274,579,157</i>	<i>274,579,157</i>
<i>Công ty TNHH MTV Truyền Thông Ấu Lạc</i>	<i>800,000,000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP In Thương mại Ấu lạc</i>	<i>188,000,000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>120,771,640</i>	<i>-</i>
Cộng	4,386,629,285	2,728,195,849

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu, vật liệu	22,517,410,962	22,138,473,511
Công cụ, dụng cụ	596,127,293	843,836,250
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,416,826,964	678,496,605
Thành phẩm	13,965,575,355	14,409,528,912
Hàng hoá	1,647,036,111	1,628,868,233
Cộng giá gốc hàng tồn kho	40,142,976,685	39,699,203,511

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	21,675,818,680	113,857,880,366	1,736,786,900	523,359,193	106,258,100	137,900,103,239
2. Số tăng trong năm	1,067,005,355	1,481,821,813	-	22,791,058	-	2,571,618,226
- Mua sắm mới	-	1,481,821,813	-	22,791,058	-	1,504,612,871
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1,067,005,355	-	-	-	-	1,067,005,355
3. Số giảm trong năm	-	10,857,941,808	284,019,048	106,364,500	-	11,248,325,356
- Chuyển sang BĐSĐT	-	712,338,661	-	-	-	712,338,661
- Thanh lý, nhượng bán	-	10,145,603,147	284,019,048	106,364,500	-	10,535,986,695
4. Số dư cuối năm	22,742,824,035	104,481,760,371	1,452,767,852	439,785,751	106,258,100	129,223,396,109
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	5,388,083,179	41,692,430,493	550,676,296	272,935,251	7,969,356	47,912,094,575
2. Số tăng trong năm	741,883,855	4,669,743,643	-	33,926,492	-	5,615,072,542
- Trích khấu hao	741,883,855	4,669,743,643	164,205,648	33,926,492	5,312,904	5,615,072,542
3. Số giảm trong năm	-	5,932,024,382	-	106,364,500	-	6,085,725,390
- Chuyển sang BĐSĐT	-	49,467,965	-	-	-	49,467,965
- Thanh lý, nhượng bán	-	5,882,556,417	47,336,508	106,364,500	-	6,036,257,425
4. Số dư cuối năm	6,129,967,034	40,430,149,754	667,545,436	200,497,243	13,282,260	47,441,441,727
III. Giá trị còn lại						
1. Đầu năm	16,287,735,501	72,165,449,873	1,186,110,604	250,423,942	98,288,744	89,988,008,664
2. Cuối năm	16,612,857,001	64,051,610,617	785,222,416	239,288,508	92,975,840	81,781,954,382

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

13,052,379,775 đ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

8 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	6,237,885,093	205,059,200	6,442,944,293
2. Số tăng trong năm	-	20,500,000	20,500,000
- Mua sắm mới	-	20,500,000	20,500,000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	6,237,885,093	225,559,200	6,463,444,293
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	1,379,386,345	103,865,845	1,483,252,190
2. Số tăng trong năm	176,073,986	14,934,396	191,008,382
- Trích khấu hao	176,073,986	14,934,396	191,008,382
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1,555,460,331	118,800,241	1,674,260,572
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	4,858,498,748	101,193,355	4,959,692,103
2. Cuối năm	4,682,424,762	106,758,959	4,789,183,721

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1,037,478,522	38,368,986,123
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	882,409,660	38,251,713,396
- Dự án Cao ốc Văn phòng	155,068,862	117,272,727
Mua sắm tài sản cố định	234,180,000	234,180,000
- Chuyển giao thương quyền (thương hiệu Quaker)	234,180,000	234,180,000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	225,414,000	309,891,139
- Nâng cấp TSCĐ (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	225,414,000	294,891,139
- Sửa chữa TSCĐ (Xí nghiệp In bao bì)	-	15,000,000
Cộng	1,497,072,522	38,913,057,262

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

10 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư cuối năm
I. Nguyên giá	-	39,310,873,060	-	39,310,873,060
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	39,310,873,060	-	39,310,873,060
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	-	1,440,195,711	-	1,440,195,711
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	1,440,195,711	-	1,440,195,711
III. Giá trị còn lại		# 37,870,677,349	-	37,870,677,349
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	-	-	-	-
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	37,870,677,349	-	37,870,677,349

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư vào công ty con	11,660,000,000	6,700,000,000
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	2,000,000,000	2,000,000,000
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	180,000,000	-
- Công ty TNHH Một thành viên Alta - Tân Đức	9,480,000,000	4,700,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	4,700,000,000	4,700,000,000
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	4,700,000,000
Đầu tư dài hạn khác	122,329,200	140,739,200
Cộng	16,482,329,200	11,540,739,200

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2009 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Thành phố Hồ Chí Minh	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ
Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Tỉnh Long An	100%	100%	Sản xuất, dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2009 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn, quảng cáo
Công ty Cổ phần Y Khoa Song An (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(*): Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu Công ty Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	81,239,200
Đầu tư cổ phiếu Công ty Giấy Lệ Hoa	59,500,000	59,500,000
Cộng	122,329,200	140,739,200

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	57,370,608	29,719,984
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	-	28,947,671
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ (*)	1,014,250,894	1,070,081,218
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	1,050,757,943	1,277,487,536
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	577,409,959	95,996,490
Cộng	2,699,789,404	2,502,232,899

(*) Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động.

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Vay ngắn hạn	27,662,045,667	22,093,936,557
- Vay ngân hàng	27,662,045,667	22,093,936,557
Cộng	27,662,045,667	22,093,936,557

Các khoản vay ngắn hạn

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở giao dịch (*)	9,261,417,024	5,033,493,753
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (**)	18,400,628,643	17,060,442,804
Cộng	27,662,045,667	22,093,936,557

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh**

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009**

Thông tin bổ sung cho các hợp đồng vay

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 45572039 ngày 31/07/2008, với hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh (các loại). Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần tối đa không quá 6 tháng trên mỗi khế ước nhận nợ, nợ gốc được hoàn trả nhiều lần. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể, trả lãi hàng tháng.

(**) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0140/TD5/08LD ngày 05/08/2008, với hạn mức cho vay là 25 tỷ đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày rút vốn theo từng giấy nhận nợ, trả gốc vay khi đến hạn trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay do Ngân hàng thông báo tại thời điểm nhận nợ, trả lãi hàng tháng.

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	209,810	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	557,261,278	467,390,288
Thuế Thu nhập cá nhân	-	57,998,507
Cộng	557,471,088	525,388,795

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Trích trước lãi vay phải trả	166,724,667	203,491,000
Trích trước tiền thuê mặt bằng	138,277,653	109,090,908
Trích trước tiền điện sản xuất, phí bảo hiểm tài sản	117,468,695	171,755,502
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	345,000,000
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	120,000,000
Chi phí tư vấn áp dụng phương pháp 5S tại Công ty	13,636,364	-
Trích trước chi phí đại tu sửa chữa tài sản cố định	-	45,000,000
Cộng	436,107,379	994,337,410

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2009 VND	01/01/2009 VND
Kinh phí công đoàn	24,324,145	58,274,293
Bảo hiểm xã hội	78,304,642	75,385,104
Bảo hiểm y tế	73,942,909	9,451,944
Phải trả, phải nợ khác	9,334,326,516	7,727,871,908
- Phải trả ngân sách	5,932,456,813	5,932,456,813
- Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	1,371,534,345	824,713,120
- Phải trả cổ tức	1,878,076,000	-
- Phải trả Alta Media	-	900,000,000
- Phải trả, phải nợ khác	152,259,358	70,701,975
Cộng	9,510,898,212	7,870,983,249

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư cuối năm trước	49,339,050,000	145,814,255,352	1,492,141,699	(7,938,039,597)	489,130,439	2,272,132,596	4,332,926,927	195,801,597,416
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	3,188,763,887	3,188,763,887
Tăng khác	-	10,909,091	-	-	-	537,874,580	-	548,783,671
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	86,017,559	2,952,673,160	3,038,690,719
Số dư cuối kỳ này	49,339,050,000	145,825,164,443	1,492,141,699	(7,938,039,597)	489,130,439	2,723,989,617	4,569,017,654	196,500,454,255

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	Tỉ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỉ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	5,981,500,000	12.12%	5,981,500,000	12.12%
Vốn góp của đối tượng khác	43,357,550,000	87.88%	43,357,550,000	87.88%
Cộng	49,339,050,000	100.00%	49,339,050,000	100.00%

(*): Giảm khác trong kỳ của lợi nhuận chưa phân phối bao gồm:

+ Trích cổ tức năm 2008 đợt 3 (4%)	1,876,924,000
+ Trích quỹ dự phòng tài chính (2008)	537,874,580
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (2008)	537,874,580
Tổng	2,952,673,160

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	49,339,050,000	49,339,050,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	49,339,050,000	49,339,050,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	49,339,050,000	49,339,050,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	7,608,104,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	3,101,960,000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này</i>	-	4,506,144,000
- <i>Cổ tức đã công cổ trên cổ phiếu phổ thông</i>	16%	-

d) Cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,933,905	4,933,905
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,933,905	4,933,905
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,933,905	4,933,905
Số lượng cổ phiếu được mua lại	241,595	241,595
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	241,595	241,595
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,692,310	4,692,310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,692,310	4,692,310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	489,130,439	489,130,439
Quỹ dự phòng tài chính	2,723,989,617	2,272,132,596
Cộng	3,213,120,056	2,761,263,035

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Doanh thu bán hàng	58,868,013,141	92,053,189,265
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10,907,705,592	4,393,993,820
Cộng	69,775,718,733	96,447,183,085

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá	55,222,276,170	86,710,754,432
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8,815,607,626	1,931,615,015
Cộng	64,037,883,796	88,642,369,447

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	750,830,846	1,318,752,916
Cổ tức, lợi nhuận được chia	189,712,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,390,997,657	724,560,249
Cộng	2,331,540,503	2,043,313,165

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Lãi tiền vay	855,102,038	462,519,950
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,466,500,669	949,329,728
Cộng	2,321,602,707	1,411,849,678

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	471,243,719	815,533,419
Cộng	471,243,719	815,533,419

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P.Tây Thạnh,
Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2009 đến 30/06/2009

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48,456,809,404	76,523,696,487
Chi phí nhân công	5,161,542,553	4,856,216,754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,246,276,635	6,292,931,120
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,822,710,278	3,963,961,131
Chi phí khác bằng tiền	893,687,437	2,241,393,226
Cộng	65,581,026,307	93,878,198,718

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty TNHH MTV Alta - Tân Đức	Công ty con	4,780,000,000	-
Doanh thu bán hàng			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	601,097,038	-
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Công ty con	4,531,882,510	-
Mua hàng			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	1,183,642,633	-
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Công ty con	96,302,221	-
Mượn vốn			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	800,000,000	-

Sỏ dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
Phải thu			
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Công ty con	401,419,254	-
- Công Ty Cổ Phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương (SUNET)	Công ty con	4,632,897,611	-

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2008 đến 30/06/2008.

Người lập



Nguyễn Thị Xuân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điệp

Lập, ngày 16 tháng 07 năm 2009

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Điều